

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L1
T PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 23/2020/DS-ST

Ngày 25.12.2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L1, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận L1, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L1 tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QDDST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình T - sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ 6, thôn M, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Xuân N - Luật sư của C, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: số 94 L, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1960; Nơi cư trú: 234 N1, phường H2, quận L1, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Bản tự khai ngày 12 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Lê Đình T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn T1 nên ngày 23 tháng 01 năm 2020, ông T1 có viết giấy mượn của ông số tiền 620.000.000đ (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) để làm ăn. Ông T1 cam kết trả lại tiền trong thời gian 01 tháng. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán, ông T1 đã không trả tiền như thỏa thuận. Đến ngày 02 tháng 6 năm 2020, ông T1 tiếp tục viết giấy hẹn có nội dung xác nhận có mượn của ông T số tiền 620.000.000đ và hẹn đến ngày 20 tháng 6 năm 2020 trả trước số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*); số tiền còn lại sẽ trả tiếp theo hàng tháng 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho đến khi trả hết số tiền mượn; nhưng ông T1 vẫn không thực hiện như cam kết.

Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo mức suất của Ngân hàng Nhà nước quy định là 8%/1 năm. Cụ thể, tiền lãi tính từ ngày 23 tháng 02 năm 2020 đến ngày 07 tháng 7 năm 2020 (*Tương đương 05 tháng*) là $620.000.000 \times 0,08 : 12 \times 5 \text{ tháng} = 20.666.667 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi ông T1 phải trả là 640.666.667 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền gốc và không yêu cầu ông T1 phải trả lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Văn T1 không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông T1 vắng mặt lần hai, không có lý do.*

** Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T1 trả cho ông T số tiền 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*).*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L1 phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 75 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1 phải trả cho ông T số tiền 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận L1 đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Văn T1, nhưng tại phiên tòa ông T1 vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

Sau khi thụ lý vụ án, căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ cho nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân quận L1 đã xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Tuy nhiên, xét thấy nghĩa vụ trả tiền xuất phát từ hợp đồng vay mượn tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 thanh toán số tiền mượn 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*), Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Văn T1 không có ý trình bày gởi đến tòa án, phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T. Áp dụng khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T không phải chứng minh.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 23 tháng 01 năm 2020 và Giấy hẹn ngày 02 tháng 6 năm 2020, Hội đồng xét xử xác định: Ông Nguyễn Văn T1 có mượn của ông Lê Đình T số tiền 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) và cam kết trong thời gian 01 tháng sẽ trả, sau đó cam kết đến ngày 20 tháng 6 năm 2020 sẽ trả trước 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), số tiền còn lại trả hàng tháng tiếp theo 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) cho đến khi trả hết số tiền nợ. Đến nay, đã quá hạn thanh toán nhưng ông T1 không trả được nợ.

Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tiền về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử buộc ông T1 phải thanh toán cho ông T số tiền nợ 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T1 phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.800.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227; các điều 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T đối với ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán cho ông Lê Đình T số tiền 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 28.800.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Văn T1 phải chịu.

Hoàn trả cho Lê Đình T số tiền tạm ứng án phí 14.800.000 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0004574 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L1.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.L1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy